

GIÁO DỤC VIỆT NAM TRƯỚC NGƯỠNG CỦA THẾ KỶ 21 *Đặng ứng Vận¹*

Trước ngưỡng cửa Thế kỷ 21 giáo dục Việt nam đã trải qua 10 năm đổi mới và thu được những thành quả quan trọng cho dù còn rất nhiều khó khăn và những vấn đề bức xúc cần phải giải quyết.

Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống giáo dục quốc dân tương đối hoàn chỉnh và thống nhất trong cả nước. Hệ thống bao gồm đầy đủ các cấp học từ mầm non đến sau đại học, bên cạnh loại hình chính quy có các loại hình không chính quy, ngoài trường công lập có các trường bán công, dân lập và tư thục, điều đó cho phép đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân bằng các con đường khác nhau.

Mạng lưới các trường phổ thông được xây dựng rộng khắp trên toàn quốc: các trường trung học phổ thông ở các huyện, trường trung học cơ sở và tiểu học đến khắp các xã, phường. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em các dân tộc ít người. Các trường, lớp trung tâm dạy nghề phát triển dưới nhiều hình thức, đặc biệt là các lớp dạy nghề ngắn hạn phát triển mạnh. Các trường đại học và cao đẳng được thành lập ở tất cả các khu dân cư lớn của cả nước, các vùng, các địa phương. Đào tạo sau đại học (cấp bằng thạc sĩ và tiến sĩ) đang phát triển vững chắc dần dần đảm đương được trách nhiệm đào tạo cán bộ khoa học trình độ cao trong nước.

Sự xuất hiện và phát triển hệ thống trường lớp ngoài công lập từ mầm non đến đại học có tác dụng giảm sức ép cho giáo dục công lập và huy động nguồn kinh phí, nhân lực của xã hội để phát triển giáo dục-đào tạo. Hệ thống các lớp bổ túc, đại học tại chức đã có tác dụng phối hợp, bổ sung cho hệ chính quy đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người lớn.

Quy mô giáo dục và đào tạo tăng nhanh. 93% số dân biết chữ. Tính đến 5/1999 đã có 52/61 (85%) tỉnh thành phố, 486/590 (82%) quận, huyện, 9213/10.270 (90%) xã phường đạt tiêu chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập tiểu học. Cả nước đang phấn đấu phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000. Nhiều tỉnh đã đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học đang tiến tới phổ cập trung học cơ sở. Năm

¹ Đặng ứng Vận, Giáo sư Hoá học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Chủ tịch Hội Hoá lý thuyết và hoá tin học Việt Nam

học 1998-1999 cả nước có 10.247.000 học sinh tiểu học. Năm học 1997-1998 có tỉ lệ nhập học tiểu học đúng độ tuổi là 97%. Năm học 1998-1999 có 5.577.700 học sinh trung học cơ sở, 1.653.600 học sinh phổ thông trung học và 798.857 sinh viên đại học tất cả các loại hình.

Nét nổi bật của năm học 1998-1999 vừa qua là diễn ra trong sự quan tâm ngày càng sâu sắc của Đảng, Nhà nước và nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục, sự cố gắng nỗ lực vươn lên của các trường, của đội ngũ giáo viên và học sinh. Quy mô giáo dục các bậc học mầm non và giáo dục phổ thông tiếp tục tăng, trong đó mầm non tăng 0.97%, trung học cơ sở (THCS) tăng 5,9% và phổ thông trung học (PTTH) tăng tới 19%, học sinh trung học chuyên nghiệp (THCN) tăng khoảng 3% so với năm trước.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở tất cả các ngành học, bậc học đều có những chuyển biến nhất định. Chất lượng giáo dục mầm non nâng cao rõ rệt. Tỷ lệ lên lớp ở các bậc học phổ thông tăng dần, trong khi đó tỷ lệ lưu ban, bỏ học có chiều hướng giảm.

Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, chuẩn bị bước vào kỷ nguyên công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước thì chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông vẫn còn là thách thức đáng kể. Tình trạng dạy chưa đủ chương trình vẫn còn ở những vùng có khó khăn về kinh tế. Ở một số địa phương vùng núi, vùng sâu, hiệu suất đào tạo còn thấp, chỉ tính riêng tiểu học, mới chỉ đạt dưới 50%. Đáng chú ý cơ cấu giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học vẫn chưa được cải thiện. Việc phân luồng sau THCS và PTTH vẫn là một thách thức lớn² đối với nền giáo dục của Việt nam

Chỉ tiêu (dự báo) phát triển đến năm 2000 và 2010

| | 2000 | 2010 |
|--------------------------------------------|------|------|
| số dân biết chữ % | 95 | 97 |
| số học sinh học tiểu học trong độ tuổi % | 95 | 98 |
| số học sinh THCS trong độ tuổi % | 70 | 88 |
| số học sinh PTTH trong độ tuổi % | 37 | 45 |
| số học sinh trung học kỹ thuật-nghiệp vụ % | 3 | 15 |
| số sinh viên/ 1 vạn dân | 90 | 200 |
| lực lượng lao động qua đào tạo % | 23 | 42 |

Riêng hệ thống đại học đã có những thay đổi lớn. Xu hướng mềm hoá chương trình, đa dạng hoá loại hình đào tạo, loại hình trường lớp và nguồn tài chính

² Xã luận Báo Nhân dân . Ngày 25 tháng 7 năm 1999

đang tạo ra khả năng khai thác tiềm năng to lớn của các trường đại học và cao đẳng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và nhu cầu học tập của nhân dân.

Năm học 1998-1999, cả nước có 190 trường, viện, học viện, phân hiệu đào tạo đại học và cao đẳng. Trong số đó có 92 trường, học viện, cơ sở đào tạo đại học và 98 trường, cơ sở đào tạo cao đẳng; 16 trường đại học, cao đẳng dân lập; 2 đại học mở. Quy mô đào tạo (chưa tính đến các trường, học viện quân đội, công an và 2 học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Hành chính quốc gia) là 716.839 sinh viên. Trong số đó, hệ dài hạn tập trung đại học là 307.800 sinh viên và hệ dài hạn tập trung cao đẳng là 106.634 sinh viên. (Xem biểu đồ tương quan số sinh viên/vạn dân và GDP- Tài liệu do Viện nghiên cứu phát triển giáo dục cung cấp).

Nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học đầu đàn và có trình độ chuyên sâu, cao ở cấp sau đại học, từ năm 1976 nhiều trường đại học và viện nghiên cứu đã được phép đào tạo nghiên cứu sinh (NCS) (để nhận bằng phó tiến sĩ khoa học(PTS) - Candidat of Science hoặc Tiến sĩ (TS) - Doctor of Philosophy từ năm 1998) và sau đó là cao học (CH) (để nhận bằng Thạc sĩ (ThS) - Master). Hai hình thức này được gọi chung là sau đại học (SDH). (Cũng phải kể đến 39 cán bộ khoa học đã đăng ký và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Khoa học - Doctor of Science. Cũng từ năm 1998 hình thức bảo vệ này không còn nữa). Quy mô đào tạo SDH trong những năm qua cũng tăng lên đáng kể. Năm 1989 cả nước có 64 cơ sở đào tạo NCS đến năm 1999 đã tăng lên 128 cơ sở bao gồm cả NCS và CH. Theo đó, số lượng người học cũng tăng theo. Các cơ sở đào tạo SDH đã đào tạo 4.278 PTS và gần 10.000 ThS.

Giáo dục đã luôn được xem là quốc sách hàng đầu, vì thế sự nghiệp giáo dục của Việt Nam trong thập kỷ qua đã đạt được những thành tựu to lớn. Theo phân loại của UNESCO Việt nam đứng thứ 111 về phát triển con người trong khi chỉ đứng thứ 134 về GDP.

BÀI TOÁN QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG

Trong 7 năm qua quy mô sinh viên đại học-cao đẳng (ĐH-CĐ) Việt Nam tăng gấp 5 lần (từ khoảng 120.000 năm 1991 lên hơn 720.000 năm 1998-1999) Tốc độ tăng trưởng quy mô ĐH-CĐ giữa năm 1995 và 1996 là 114,6%; giữa năm 1996-1997 là 138,3%³ vượt chỉ tiêu định hướng cho năm 2000 của Nghị quyết Trung ương II. Tỷ lệ sinh viên các loại hình / cán bộ giảng dạy trong cả nước hiện nay là 26.

Phân bố trình độ cán bộ giảng dạy trong các trường ĐH-CĐ

| | |
|---------------------|-------|
| Số cán bộ giảng dạy | 65.5% |
| trong số đó: | |
| giáo sư | 1.2% |

³ Nguồn : Số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và đào tạo

| | |
|----------------------------------------|-------|
| phó giáo sư | 4.9% |
| tiến sĩ (D.Sc) | 1.1% |
| phó tiến sĩ (Cand. Sc. và tương đương) | 13.7% |
| thạc sĩ | 14.9% |

Chính phủ đã coi việc bổ sung đội ngũ cán bộ trẻ thay thế cho lớp lớn tuổi đang chuẩn bị về hưu là một công việc có tính cấp bách.

Như một tất yếu có tính quy luật sau khi trải qua một thập kỷ đa dạng hoá các loại hình đào tạo nhằm tăng cơ hội tiếp nhận giáo dục cho mọi người, quy mô đào tạo đã tăng trưởng một bước đáng kể, sẽ kế tiếp một giai đoạn mà các nhà hoạch định chính sách phải lấy chất lượng làm trọng tâm. Giải bài toán quy mô-chất lượng trong điều kiện khó khăn về nguồn kinh phí, nhu cầu học tập lại rất lớn là một công việc không dễ dàng.

So sánh chi cho giáo dục bình quân 1995 của Việt Nam với một số nước⁴

| Nước | theo USD hối đoái | theo sức mua tương đương (PPP) |
|-----------|-------------------|--------------------------------|
| Nhật Bản | 1861.2 | 974 |
| Hàn Quốc | 953.6 | 806 |
| Xingapo | 876.9 | 1222 |
| Thái Lan | 110.5 | 287 |
| Indonesia | 8.6 | 35 |
| Banglades | 5.5 | 25 |
| Việt Nam | 7.8 | 75 |

*" Hiện nay sự nghiệp giáo dục và đào tạo đang đứng trước mâu thuẫn lớn giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh quy mô giáo dục- đào tạo, vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo, trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn hạn chế. Đó là mâu thuẫn trong quá trình phát triển. Những thiếu sót chủ quan, nhất là những yếu kém về quản lý đã làm cho mâu thuẫn đó càng thêm gay gắt. Định hướng chiến lược phát triển giáo dục- đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là những chủ trương, giải pháp từ nay đến năm 2000 phải được thực hiện với tinh thần cách mạng sâu sắc để giải quyết có hiệu quả mâu thuẫn nói trên."*⁵

⁴ Nguồn : Tổng cục Thống kê

⁵ NQTW2. tr.28

Có một thí dụ điển hình về chất lượng trong khối các trường phổ thông trung học của Việt Nam. Đó là trường Hà Nội — Amxtécđam. Trường được thành lập từ năm 1985-1986 tập hợp tất cả các lớp chuyên của Thành phố Hà Nội, có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ cho giảng dạy và học tập (điều kiện này được thoả mãn dần dần trong suốt quá trình hoạt động của nhà trường). Học sinh là các học sinh giỏi của thành phố, vào học qua thi tuyển riêng. Trường có giáo viên giỏi để đảm nhận giảng dạy các môn chuyên và một số môn khác. 70% số giáo viên của trường là giáo viên khá, giỏi của địa phương được tuyển chọn. Kết quả là qua 12 năm hoạt động 50-60 % số học sinh của nhà trường đạt loại giỏi, không quá 5% có học lực trung bình, 99-100% học sinh tốt nghiệp. Hơn 95% học sinh được vào đại học trong đó có 20% được miễn thi. 80% thành viên các đội tuyển học sinh giỏi của thành phố tham gia các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia là học sinh của trường, quá nửa trong số đó được giải, 24 học sinh đã tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế và 20 em đã được giải thưởng các loại⁶. Trên thực tế, việc đưa được con em vào học ở trường Hà Nội — Amxtécđam là mơ ước của các bậc phụ huynh học sinh trong thành phố.

Theo một cách đi tương tự, một số trường đại học của Việt Nam, bắt đầu là ĐHQGHN đã mở những lớp cử nhân tài năng và ĐHQG TPHCM với sự trợ giúp quốc tế đã mở lớp kỹ sư chất lượng cao. Mục tiêu trước mắt là chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận và mục tiêu lâu dài nhằm tạo động lực cho việc nâng cao chất lượng đại trà.

Trường Hà Nội — Amxtécđam hoặc các lớp cử nhân tài năng của ĐHQG HN kỹ sư chất lượng cao của ĐHQG TPHCM có thể dùng làm ví dụ để minh hoạ cho việc nếu tập trung đầu tư tốt (chất lượng đầu vào, thầy và cơ sở vật chất) thì chúng ta có thể đạt được chất lượng như mong muốn.

Trong xu thế tăng mạnh mẽ quy mô đào tạo của hệ thống các trường ĐH-CĐ, Chính phủ Việt Nam đã thành lập những trung tâm đại học lớn, đa ngành đa lĩnh vực chất lượng cao nhằm hai mục tiêu chính:

- tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm đại học để có thể trong một thời gian không quá dài có thể có được trình độ khu vực, tiến tới trình độ quốc tế, tạo động lực cho sự phát triển của toàn hệ thống
- sắp xếp lại hệ thống ĐH vốn trước kia phân tán, manh mún và nhỏ bé.

Các đại học quốc gia (HN và TPHCM), các đại học khu vực (Huế, Thái nguyên, Đà Nẵng) đã được thành lập và hoạt động một cách có hiệu quả.

Ý tưởng chiến lược của việc giải bài toán quy-mô chất lượng của Việt nam được thể hiện cô đọng trong bài nói của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong dịp đến thăm Bộ GD&ĐT:

"Ngành Giáo dục và Đào tạo phải giải một bài toán rất khó là phải thoả mãn đồng thời yêu cầu tăng số lượng, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả giáo

⁶ Đào Thiện Khải Nhân Dân 29-5-1999

đục và đào tạo trong điều kiện nguồn lực hết sức hạn hẹp và còn tiếp tục hạn hẹp. Bài toán này cũng khó như kiểu bài toán chung hiện nay của đất nước là phải tạo một sự tăng trưởng nhanh chóng từ một điểm xuất phát rất thấp, hoặc bài toán của thời kỳ kháng chiến trước đây là một nước nghèo mà phải đánh thắng kẻ thù giàu mạnh hơn mình gấp nhiều lần. Kinh nghiệm cho thấy muốn giải được bài toán khó kiểu đó phải dựa vào **sức mạnh tổng hợp** của toàn hệ thống. Trong trường hợp của giáo dục đào tạo, phải dựa vào sự hợp đồng tác chiến của các "binh chủng" giáo dục khác nhau, các loại hình đào tạo khác nhau, các loại trường khác nhau. Phải phối hợp hài hoà các đơn vị khác nhau trong một nhà trường, các trường khác nhau trên một địa bàn, các mô hình trường khác nhau trong cả hệ thống giáo dục.⁷

ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO: GIẢI PHÁP ĐÁP ỨNG ĐỒNG THỜI VIỆC NÂNG CAO DÂN TRÍ VÀ ĐÁP ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Giáo dục-đào tạo của Việt nam đang đứng trước một thách thức lớn: khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu.

Phân bố mạng lưới các trường đại học □cao đẳng theo khu vực⁸

| Khu vực | Đại học | Học viện | Cao đẳng | Dự bị ĐH |
|-------------------------|---------|----------------|----------|----------|
| Tây bắc | 0 | | 2 | |
| Đông bắc | 6 | 12 | | 1 |
| Hà Nội | 32 | 10 | 10 | |
| Đồng bằng Sông Hồng | 12 | 4 | 14 | |
| Bắc Trung bộ | 7 | | 5 | |
| Duyên hải Miền Trung | 7 | 1 | 7 | 1 |
| Tây nguyên | 1 | | 3 | |
| Đông Nam bộ | 5 | 1 | 5 | |
| TP HCM | 21 | 4 ⁹ | 10 | |
| Đông bằng Sông Cửu Long | 1 | | 9 | |

Phân bố sinh viên các trường đại học □cao đẳng theo ngành nghề đào tạo

| Khối | 1995 | 1996 | 1997 | 1998 |
|---------------|-------|-------|-------|------|
| Khối Khoa học | 10.38 | 14.06 | 15.53 | 4.5 |

⁷ Lê Khả Phiêu Phát biểu trong dịp về thăm Bộ GD&ĐT tháng 2/1998

⁸ Số liệu thống kê từ Sách hướng dẫn thi tuyển vào đại học-cao đẳng hàng năm

⁹ Phân hiệu đại học

| | | | | |
|----------------------------|-------|-------|-------|------|
| Khối Kỹ thuật và công nghệ | 17.15 | 13.62 | 15.19 | 16.1 |
| Khối Kinh tế và Luật | 39.24 | 43.71 | 42.78 | 37.7 |
| Khối Nông —Lâm-Ngư | 3.84 | 3.76 | 3.13 | 3.8 |
| Khối Sư phạm và Ngoại ngữ | 23.18 | 19.38 | 19.31 | 33.9 |
| Khối Văn hoá-nghệ thuật | 1.42 | 1.47 | 1.30 | 1.9 |
| Khối Y-dược-TDĐT | 4.80 | 4.00 | 2.75 | 2.1 |

Phân bố NCS đã được cấp bằng PTS theo ngành nghề¹⁰

| Ngành | số lượng | % |
|---------------------------------------------|---------------|------------------|
| Khoa học tự nhiên | 962 | 22.48 |
| Khoa học kỹ thuật | 470 | 10.98 |
| Khoa học Y-dược | 675 | 15.77 |
| Khoa học nông nghiệp | 359 | 8.39 |
| Khoa học xã hội-nhân văn (riêng kinh tế) | 1697 (811) | 39.66 (18.91) |
| Khoa học quân sự | 115 | 2.68 |
| Tổng cộng | 4278 | 100 |

Nhằm khắc phục sự mất cân đối về cơ cấu địa lý, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách cụ thể ưu tiên đầu tư giáo dục cho các vùng khó khăn như những vùng sâu, vùng xa, khu vực miền núi, đồng bào các dân tộc thiểu số và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Ý kiến kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải- Chủ tịch Hội đồng Quốc gia Giáo dục tại phiên họp thường kỳ thứ hai của HĐQGGD năm 1999 đã chỉ rõ ¹¹

Việc quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng là cần thiết và cấp bách. Hệ thống các trường đại học và cao đẳng hiện nay đang có những yếu kém, bất cập. Phát triển mạng lưới trường chưa bám sát chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, chưa gắn bó hữu cơ với chiến lược phát triển giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, chưa hỗ trợ cho việc phân luồng sau phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Quy mô phát triển quá nhanh vượt quá khả năng về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Nhìn chung chất lượng đào tạo còn thấp. Cơ cấu ngành nghề, cấp học, cơ cấu địa lý đều mất cân đối. Cần phân tích rõ những nguyên nhân yếu

¹⁰ Số liệu của Vụ Đào tạo sau đại học, Bộ Giáo dục và đào tạo

¹¹ Kết luận của Thủ tướng Phan Văn Khải: Về quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và tổ chức lại hai đại học quốc gia, xây dựng trường đại học sư phạm trọng điểm. Nhân Dân 27-4-1999

kém, bất cập cả về mặt cơ sở vật chất, về mô hình và về cơ chế quản lý. Những yêu cầu đối với quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng là:

- Đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực, phát triển nhân tài, thực hiện công bằng xã hội, quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc, giới và khu vực, nâng cao hiệu quả đầu tư và chất lượng đào tạo.
- Phải gắn với mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, Chiến lược về khoa học công nghệ, Chiến lược đào tạo nguồn nhân lực của đất nước.
- Phải thể hiện rõ những lĩnh vực cần đi nhanh, đi tắt, đón đầu để tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập dần với khu vực và thế giới. Trong một số năm tới cần định hướng mạnh cho phát triển nông nghiệp - nông thôn và một số lĩnh vực then chốt.
- Phải đảm bảo phân bố hợp lý các trường theo vùng miền, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, khắc phục tình trạng mất cân đối nghiêm trọng hiện nay

PHÂN LUỒNG: GIẢI PHÁP CÂN ĐỐI LẠI CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ VÀ NGÀNH NGHỀ

Xét trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, cơ cấu giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa có chuyển biến đáng kể trong một vài năm gần đây.

| Năm học | Trung học phổ thông % | Trung học chuyên nghiệp % | Cao đẳng-đại học % |
|-----------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| 1997-1998 | 63 | 9 | 28 |
| 1998-1999 | 65 | 9 | 26 |

Hệ quả là hệ thống giáo dục CĐ-ĐH của Việt Nam chịu một sức ép quá lớn trong các kỳ thi tuyển sinh. Tỷ lệ đơn đăng ký dự thi vào các trường đại học so với chỉ tiêu tuyển sinh là rất lớn. ĐH Kinh tế quốc dân HN 9/1, ĐH Bách khoa HN 6/1, ĐH Công đoàn 23/1, Thương mại 9/1 Luật 35/1 Tài chính kế toán 18/1, ĐH Kinh tế TP HCM 17/1 ĐH Sư phạm TP HCM 17/1¹².

Phân luồng học sinh phổ thông là một nhu cầu bức xúc trước mắt cũng như lâu dài. Nguyên nhân có thể xuất phát từ cơ cấu lao động không hợp lý. Tỷ lệ người lao động được qua đào tạo hiện nay của Việt nam mới đạt tới 14% và cơ cấu trình độ là 1-1.5-3.5 nghĩa là cứ 1 lao động có trình độ đại học thì có 1.5 có trình độ

¹² Hà Nội Mới ngày 13-5-1999

trung học chuyên nghiệp và 3.5 sơ cấp. Ở trình độ sản xuất như VN hiện nay theo kinh nghiệm của một số nước trong khu vực thì tỷ lệ hợp lý phải là 1:4:10 hoặc 1:4:20¹³.

Nguyên nhân chính khiến cho học sinh Việt Nam sau khi tốt nghiệp THCS và PTTH chỉ muốn vào học đại học là xã hội và người học chưa nhận thức được đầy đủ vai trò của nguồn nhân lực lành nghề đối với sự phát triển của cá nhân và sự hưng thịnh của toàn xã hội. Trong khi đó sự tăng trưởng kinh tế chưa tạo ra được nhiều việc làm, thị trường lao động trong nước chưa sôi động, thị trường xuất khẩu lao động chưa được khai thác có hiệu quả.

Mặt khác, thực tế chất lượng đào tạo nghề của Việt nam hiện nay còn thấp, học sinh tốt nghiệp xong chưa đủ sức tự tạo ra việc làm cho chính mình. Phân luồng chưa có giải pháp mở, mới chỉ hạn chế trong việc điều chuyển học sinh sang khu vực học nghề sơ và trung cấp. Vì thế, bản thân học sinh cũng như gia đình chưa tin rằng bằng con đường học nghề, nếu có quyết tâm thanh niên vẫn có cơ hội để học tập ở các trường nghề bậc cao với trình độ, và bậc lương tương đương với bậc đại học hoặc thậm chí với bậc cao học.

Phân luồng là một bài toán khó nhưng không phải là không thể giải được. Chính phủ Việt Nam cũng đã thể hiện quyết tâm cao giải quyết bài toán phân luồng thông qua các chính sách đối với hệ thống dạy nghề. Phân luồng cũng sẽ là một trong những chủ đề sẽ được Hội đồng QGGD thảo luận trong phiên họp sắp tới.

XÃ HỘI HOÁ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC : GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Trong điều kiện hạn hẹp về kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước, sự tham gia của chính quyền địa phương, của cộng đồng vào sự nghiệp giáo dục, sự đóng góp của người học thông qua học phí, của cộng đồng và giới doanh nghiệp đầu tư cho giáo dục thông qua các loại hình trường lớp từ bán công đến dân lập (DL), từ thực đã có những đóng góp đáng kể cho sự chuyển biến mới của hệ thống giáo dục quốc dân.

Chủ trương xã hội hoá sự nghiệp giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành động của toàn xã hội đối với giáo dục. Trong năm học vừa qua xuất hiện nhiều gương sáng của các gia đình hiến đất xây dựng trường. Ở Vĩnh Long có 24 gia đình hiến 19.330 m² đất, ở Tây Ninh có hai gia đình hiến 8.700 m² đất². Riêng bậc học mầm non, nhân dân TP HCM đã đóng góp trên 39 tỷ đồng xây dựng trường lớp. Ở Quận 12, TPHCM 11 sĩ quan quân đội (thuộc Quân khu 7) tự nguyện hiến 5.341m² đất xây trường mẫu giáo bán trú phường Thới An¹⁴.

¹³ Kim Thoa Hà Nội Mới ngày 8-4-1999

¹⁴ Giáo dục và Thời đại ngày 30-4-1999

Trong năm học 1999-2000 riêng ở Thành phố Hà Nội, gần 90% số học sinh tốt nghiệp lớp 9 được học tiếp ở PT trung học, trong đó 40% được vào hệ A của các trường công lập, 20% vào hệ B của các trường công lập và có tới hơn 30% vào 54 trường DL và bán công (15.195/tổng số 40.095 em)¹⁵.

Hệ thống các trường ĐH-CĐ DL đã hình thành. Từ khi thành lập trường ĐHDL Thăng Long (trường ra đời sớm nhất - từ năm 1992) đến nay đã có 14 trường ĐHDL và 1 trường CĐDL với quy mô sinh viên hiện đang đào tạo là 65000 sinh viên (chưa kể chỉ tiêu tuyển sinh năm học 1999-2000) chiếm khoảng 1/5 tổng số sinh viên hệ chính quy và 1/11 tổng số sinh viên các loại hình của cả nước. Có trường quy mô khá lớn với hơn 10.000 sinh viên (Đông Đô và Văn Lang). Các trường khác có quy mô trên dưới 3500 sinh viên. Trong số 21 ngành nghề mà các trường ĐH-CĐ DL đang đào tạo, sinh viên theo học các ngành: tin học, kinh tế, quản trị-kinh doanh chiếm tới 70% tổng số sinh viên của khối các trường này¹⁶.

Hệ thống các trường ngoài công lập đã huy động được sự đóng góp của dân, khuyến khích những người có tiền của và có tâm huyết đầu tư cho phát triển giáo dục, tạo cơ hội cho một bộ phận thanh niên theo học ở trình độ cao, góp phần đào tạo nguồn nhân lực. Do mới hình thành nên các trường ĐHDL của Việt nam cũng còn những bất cập về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, tổ chức quản lý, điều hành và góp phần vào làm mất cân đối thêm cơ cấu ngành nghề của hệ thống giáo dục ĐH. Nhằm khắc phục những nhược điểm và phát huy các ưu điểm của hệ thống các trường ĐH-CĐ DL sắp tới Chính phủ Việt Nam sẽ ban hành điều lệ các trường ĐHDL. Bản điều lệ này sẽ là cơ sở và tiền đề cho việc củng cố và phát triển hệ thống các trường DL hỗ trợ đặc lực cho hệ thống các trường ĐH-CĐ công lập trong nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.

HỢP TÁC QUỐC TẾ : GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG VỚI TOÀN CẦU HOÁ VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, BẢN SẮC DÂN TỘC

Hoà nhập với khu vực và thế giới trong nền kinh tế toàn cầu hoá đòi hỏi sự thích ứng của hệ thống giáo dục -đào tạo.

“ Chúng ta đang sống trong một thời đại gọi là thời đại thông tin, đúng hơn là thời đại trí tuệ, thời đại các nước trên thế giới ganh đua để phát triển, để có vị trí, có cơ hội có lợi cho mình trong quan hệ quốc tế. Thời đại ngày nay cũng là thời đại khu vực hoá, toàn cầu hoá, mọi nước, mọi dân tộc trên thế giới nếu tụt hậu sẽ bị đào thải....Chúng ta phải mở rộng quan hệ về giáo dục với các nước, với các tổ chức quốc tế, với các tổ chức phi chính phủ nhằm hội nhập, giao lưu, tìm kiếm sự hợp tác, sự ủng hộ, sự giúp đỡ vốn liếng, trang bị, thiết bị, kinh nghiệm ..., mặt khác chúng ta tranh thủ tối đa lực lượng người Việt Nam ở nước ngoài trong đó có nhiều người giỏi và có trình độ về nhiều mặt, có thể đóng góp vào sự nghiệp giáo dục của

¹⁵ Hà Nội Mới ngày 13 —5-1999

¹⁶ Phan Huy Hiên, Nhân Dân ngày 31-5-1999

*nước ta*¹⁷. □ Xin được trích đoạn văn trên đây của nhà cách mạng lão thành Phạm Văn Đồng để kết thúc cho bản báo cáo này.



Với tư cách Chủ tịch Hội Hoá lý thuyết và hoá tin học Việt Nam (VATCC) nhân dịp này cho phép tôi được bày tỏ lời cảm ơn tới trường Đại học Leuven - Vương Quốc Bỉ- và riêng cá nhân GS.TS. Nguyễn Minh Thọ đã đề xuất và triển khai chương trình Computational Chemistry (CC) cho Việt Nam rất có hiệu quả. Hiệu quả không chỉ dừng ở số cán bộ trẻ được đào tạo và tiếp cận với nền khoa học CC tiên tiến mà còn tạo luồng không khí mới cho các Hội viên của VATCC trong những sinh hoạt học thuật và giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Sắp tới, vào mùa thu năm 2000, chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, VATCC sẽ tổ chức Lễ kỷ niệm 5 năm thành lập tại Hà Nội. Với tư cách Chủ tịch Hội, xin trân trọng gửi tới tất cả các quý vị tham dự hội thảo hôm nay và những quý vị vì lý do nào đó mà hôm nay vắng mặt, lời mời tham dự Lễ Kỷ niệm để có thêm một dịp gặp gỡ, tìm hiểu, trao đổi với những học giả ở trong nước về những vấn đề mà quý vị đang quan tâm và những dự định đang ấp ủ. Mọi đóng góp của các quý vị dưới mọi hình thức cho sự phát triển nền giáo dục của đất nước đều có giá trị và rất được trân trọng.

Xin hãy cùng nhau góp sức xây dựng tổ quốc Việt Nam của chúng ta mãi mãi phồn vinh và hạnh phúc.

Xin chân thành cảm ơn sự theo dõi của quý vị và chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Hà Nội tháng 7 năm 1999

Liège tháng 8 năm 1999

¹⁷ Phạm Văn Đồng Giáo dục-quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc. Nhà xuất bản Giáo dục.1999